

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC CHIA THEO
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN

05 tháng/năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Cục THADS tỉnh Bình
Phước

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng Cục THADS

Đơn vị tính: Liệt và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:						Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác	Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện		
			Chia ra:						Chia ra:			Đang thi hành	Hoãn THA theo điểm c khoản 1 điều 48	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)							Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác
			Nam trước 2	Thụ lý mới					Tổng số thi hành xong	Đình chỉ THA	Hoãn THA theo điểm c khoản 1 điều 48											
A			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
	Tổng số	11.600	6.987	4.613	72	8	11.520	7.368	2.673	2.573	100	4.684	11		3.705	371	6	70	8.847	36,28%		
I	Cục THADS	370	197	173	16	-	354	240	106	104	2	133	1		90	24	-	-	248	44,17%		
1	Trần Văn Hòa	53	31	22	9	-	44	34	20	20	-	14	-		9	1	-	-	24	58,82%		
2	Phạm Anh Ngọc	56	19	37	-	-	56	38	12	12	-	26	-		16	2	-	-	44	31,58%		
3	Nguyễn Thanh Phụng	5	-	5	1	-	4	4	1	1	-	3	-		-	-	-	-	3	25,00%		
4	Hoàng Quý Báu	45	33	12	3	-	42	17	5	5	-	12	-		23	2	-	-	37	29,41%		
5	Phạm Tuấn Anh	119	56	63	-	-	119	100	50	50	-	49	1		14	5	-	-	69	50,00%		
6	Trần Nguyễn Khánh Vân	44	35	9	-	-	44	14	3	3	-	11	-		20	10	-	-	41	21,43%		
7	Trần Thị Hoàng Mỹ Hạnh	48	23	25	3	-	45	33	15	13	2	18	-		8	4	-	-	30	45,45%		
II	Các Chi cục THADS	11.230	6.790	4.440	56	8	11.166	7.128	2.567	2.469	98	4.551	10		3.615	347	6	70	8.599	36,01%		
I	Chi cục THA Đồng Xoài	1.400	729	671	10	1	1.389	932	339	321	18	592	1		420	37	-	-	1.050	36,37%		
1.1	Lê Thanh Đồng	223	129	94	3		220	157	58	48	10	99	-		53	10	-	-	162	36,94%		
1.2	Trần Đăng Tú	220	160	60			220	102	45	44	1	57			98	20			175	44,12%		
1.3	Vương Thanh Hải	293	167	126	3		290	168	42	41	1	126			119	3			248	25,00%		
1.4	Đỗ Văn Hùng	298	171	127	1		297	193	54	49	5	139			102	2	-	-	243	27,98%		
1.5	Nguyễn Thị Yến	232	80	152	1	1	230	191	56	56		135			38	1			174	29,32%		
1.6	Huỳnh Thị Phương Yến	134	22	112	2		132	121	84	83	1	36	1		10	1			48	69,42%		
2	Chi cục THA Đồng Phú	980	562	418	9	-	971	636	238	229	9	398	-		317	13	3	2	733	37,42%		
2.1	Huỳnh Trung Thành	23		23	-	-	23	23	10	10	-	13	-		-	-	-	-	13	43,48%		
2.2	Nguyễn Đức Nhân	253	117	136	-	-	253	209	66	63	3	143	-		44	-	-	-	187	31,58%		
2.3	Nguyễn Thị Hồng Duyên	233	142	91	2	-	231	133	74	71	3	59	-		98	-	-	-	157	55,64%		

2.4	Phú Anh Tuấn	318	209	109	7	-	311	181	67	64	3	114	-	126	4	-	244	37,02%
2.5	Bùi Hoàng Lâm	153	94	59	-	-	153	90	21	21	-	69	-	49	9	3	132	23,33%
2.6	Nguyễn Thị Yến	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
3	Chi cục THA Hôn Quan	1,289	955	334	-	4	1,285	964	129	126	3	835	-	279	42	-	1,156	13,38%
3.1	Nguyễn Tấn Dũng	462	327	135	-	-	462	399	37	37	-	362	-	39	24	-	425	9,27%
3.2	Đỗ Ngọc Đăng	208	207	1	-	-	208	157	3	2	1	154	-	44	7	-	205	1,91%
3.3	Phạm Hồng Hiền	619	421	198	-	4	615	408	89	87	2	319	-	196	11	-	526	21,81%
3.5	Hoàng Ngọc Toàn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
4	Chi cục Chưn Thành	1,470	816	654	21	-	1,449	984	375	357	18	609	-	415	50	-	1,074	38,11%
4.1	Đỗ Văn Quân	70	23	47	-	-	70	63	30	30	-	33	-	7	-	-	40	47,62%
4.2	Đặng Văn Hiếu	455	134	321	6	-	449	403	199	191	8	204	-	29	17	-	250	49,38%
4.3	Vũ Văn Hạnh	282	210	72	-	-	282	162	50	48	2	112	-	109	11	-	232	30,86%
	Trần Thế Vinh	538	378	160	15	-	523	257	76	70	6	181	-	233	13	-	447	29,57%
4.4	Hoàng Văn Miếu	125	71	54	-	-	125	99	20	18	2	79	-	17	9	-	105	20,20%
5	Chi cục Bình Long	596	307	289	3	-	593	401	159	158	1	241	1	169	22	1	434	39,65%
5.1	Phạm Duy Thiện	255	59	196	3	-	252	229	107	107	-	121	1	17	6	-	145	46,72%
5.2	Nguyễn Thị Hương	82	53	29	-	-	82	42	14	14	-	28	-	37	3	-	68	33,33%
5.3	Nguyễn Văn Huyền	105	68	37	-	-	105	65	25	25	-	40	-	37	2	1	80	38,46%
5.4	Phạm Như Thiết	154	127	27	-	-	154	65	13	12	1	52	-	78	11	-	141	20,00%
6	Chi cục Phước Long	625	359	266	2	-	623	382	164	154	10	218	-	223	13	-	459	42,93%
6.1	Lê Xuân Trinh	16	16	16	-	-	16	16	16	16	-	-	-	-	-	-	-	100,00%
6.2	Lê Việt Hùng	255	165	90	-	-	255	158	54	50	4	104	-	95	2	-	201	34,18%
6.3	Phạm Hòa Tiếp	247	155	92	-	-	247	131	58	52	6	73	-	103	8	5	189	44,27%
6.4	Hoàng Đình Hùng	107	39	68	2	-	105	77	36	36	-	41	-	25	3	-	69	46,75%
7	Chi cục THA Bù Gia Mập	696	436	260	5	2	689	381	163	159	4	213	5	234	54	2	526	42,78%
7.1	Võ Thị Thanh Nga	60	-	60	-	-	60	60	60	60	-	-	-	-	-	-	-	100,00%
7.2	Hoàng Văn Minh	303	217	86	3	-	300	165	59	57	2	106	-	115	20	-	241	35,76%
7.3	Bùi Thị Lý	163	126	37	-	2	161	66	18	16	2	47	1	52	33	2	143	27,27%
7.4	Ngô Hòa Đức	170	93	77	2	-	168	90	26	26	-	60	4	67	1	-	142	28,89%
8	Chi cục THA Bù Đốp	617	412	205	-	-	617	302	99	98	1	202	1	257	18	-	518	32,78%
8.1	Hoàng Đức Sáu	166	96	70	-	-	166	106	44	44	-	62	-	56	4	-	122	41,51%

8.2	Lê Thị Hải	95	72	23	-	-	-	95	42	18	18	-	23	1	39	14	-	-	77	42.86%
8.3	Lê Văn Thắng	193	156	37	-	-	-	193	69	15	15	-	54	-	122	-	-	2	178	21.74%
8.4	Nguyễn Hưng Vương	163	88	75	-	-	-	163	85	22	21	1	63	-	40	-	-	38	141	25.88%
9	Chi cục THA Bù Đang	1,609	1,185	424	3	1	1	1,605	817	337	313	24	478	2	732	51	-	5	1,268	41.25%
9.1	Trương Văn Cường	218	147	71	2	-	-	216	117	51	50	1	66	-	99	-	-	-	165	43.59%
9.2	Dương Đức Chính	570	423	147	1	-	-	569	293	117	114	3	176	-	262	12	-	2	452	39.93%
9.3	Nguyễn Tuấn Phú	389	296	93	-	-	1	388	170	52	48	4	116	2	187	28	-	3	336	30.59%
9.4	Võ Thị Lệ Quyên	432	319	113	-	-	-	432	237	117	101	16	120	-	184	11	-	-	315	49.37%
10	Chi cục THA Lộc Ninh	952	431	521	-	-	-	952	697	361	352	9	336	-	248	7	-	-	591	51.79%
10.1	Nguyễn Doanh Trà	146	48	98	-	-	-	146	108	89	87	2	19	-	36	2	-	-	57	82.41%
10.1	Trần Tuấn Anh	278	157	121	-	-	-	278	192	75	74	1	117	-	84	2	-	-	203	39.06%
10.1	Nguyễn Dư Hải	238	128	110	-	-	-	238	169	79	74	5	90	-	66	3	-	-	159	46.75%
10.1	Lê Thanh Sơn	290	98	192	-	-	-	290	228	118	117	1	110	-	62	-	-	-	172	51.75%
11	Chi cục THA Phú Riềng	996	598	398	3	-	-	993	632	203	202	1	429	-	321	40	-	-	790	32.12%
11.1	Kiều Thế Truyền	81	3	78	-	-	-	81	81	32	32	-	49	-	-	-	-	-	49	39.51%
11.2	Chu Thị Thu	224	142	82	2	-	-	222	154	48	47	1	106	-	63	5	-	-	174	31.17%
11.3	Hoàng Văn Ngọc	379	239	140	-	-	-	379	225	78	78	-	147	-	132	22	-	-	301	34.67%
11.4	Bào Thị Oanh Mến	312	214	98	1	-	-	311	172	45	45	-	127	-	126	13	-	-	266	26.16%

Bình Phước, ngày 03 tháng 03 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Bùi Duy Hiến

CHỦ TỊCH

TỔNG CỤC THAM DẠY VÀ HỖ TRỢ
CỤC THAM DẠY VÀ HỖ TRỢ
CỤC THAM DẠY VÀ HỖ TRỢ

